

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN), khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN).

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/1 người/1 phiếu nhận xét*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Mức chi</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|
| <b>1</b>  | <b>Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển</b> |                    |                |
| <b>a</b>  | <b>Chi họp Hội đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hội đồng           |                |
|           | <b>Chủ tịch Hội đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    | <b>1.800</b>   |

|   |                                                                                                                                                                             |                   |       |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------|
|   | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                        |                   | 1.500 |
|   | Thư ký khoa học                                                                                                                                                             |                   | 300   |
|   | Thư ký hành chính                                                                                                                                                           |                   | 300   |
|   | Đại biểu được mời tham dự                                                                                                                                                   |                   | 200   |
| b | Chi nhận xét đánh giá                                                                                                                                                       | 01 phiếu nhận xét |       |
|   | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                         |                   | 700   |
|   | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện                                                                                                               |                   | 1.000 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện                                                                                                | Nhiệm vụ          |       |
|   | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                           |                   | 700   |
|   | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                        |                   | 500   |
| 2 | <b>Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo</b> |                   |       |
| a | Chi họp Hội đồng                                                                                                                                                            | Hội đồng          |       |
|   | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                           |                   | 1.500 |
|   | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng                                                                                                                                  |                   | 1.000 |
|   | Thư ký khoa học                                                                                                                                                             |                   | 300   |
|   | Thư ký hành chính                                                                                                                                                           |                   | 300   |
|   | Đại biểu được mời tham dự                                                                                                                                                   |                   | 200   |
| b | Chi nhận xét đánh giá                                                                                                                                                       | 01 phiếu nhận xét |       |
|   | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                         |                   | 500   |
|   | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện                                                                                                               |                   | 700   |
| 3 | <b>Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</b>                                                              |                   |       |
| a | Chi họp Hội đồng                                                                                                                                                            | 01 Nhiệm          |       |

|   |                                                                                                                  |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                  | vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|   | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                |                                                        | 1.800                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng                                                                       |                                                        | 1.500                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   | Thư ký khoa học                                                                                                  |                                                        | 300                                                                                                                                                                                                                                                       |
|   | Thư ký hành chính                                                                                                |                                                        | 300                                                                                                                                                                                                                                                       |
|   | Đại biểu được mời tham dự                                                                                        |                                                        | 200                                                                                                                                                                                                                                                       |
| b | Chi nhận xét đánh giá                                                                                            | 01 phiếu nhận xét                                      |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|   | Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng                                                                        |                                                        | 700                                                                                                                                                                                                                                                       |
|   | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện                                                    |                                                        | 1.000                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4 | <b>Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược</b> |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| a | Chi họp Hội đồng                                                                                                 | Hội đồng                                               | Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. |
|   | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                | Công                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|   | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng                                                                       | Công                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|   | Thư ký khoa học                                                                                                  | Công                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|   | Thư ký hành chính                                                                                                | Công                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| b | Chi nhận xét đánh giá                                                                                            | 01 phiếu nhận xét                                      |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|   | Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng                                                                        |                                                        | 1.000                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5 | <b>Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập;</b>                                                                    | Chuyên                                                 | 1.500                                                                                                                                                                                                                                                     |

|  |                                                                                                     |     |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|
|  | <b>chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia</b> | gia |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|

b) Chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng 80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND) và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| TT | Nội dung                  | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|---------------------------|-------------|---------|
| 1  | Tổ trưởng tổ thẩm định    | Nhiệm vụ    | 1.000   |
| 2  | Thành viên tổ thẩm định   | Nhiệm vụ    | 700     |
| 3  | Thư ký hành chính         | Nhiệm vụ    | 300     |
| 4  | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ    | 200     |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Chi kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND;

b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này.

5. Chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này; Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (sau đây viết tắt là Thông tư số 140/2025/TT-BTC).

7. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác); chi đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 7 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Riêng nội dung chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.

### **Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh**

#### **1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng 56.000.000 đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm và hệ số lao động khoa học của các chức danh áp dụng theo quy định tại Điều 9 thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

#### **2. Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Thuê chuyên gia trong nước: Mức chi không quá 30% tổng kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài: Mức chi không quá 50% tổng kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

#### **3. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng**

tạo; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

4. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND, Thông tư số 140/2025/TT-BTC. Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.600.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 560.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 4.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 2.400.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 240.000 đồng/thành viên/buổi.

5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn; phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

8. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

9. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác) thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

10. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng/nhiệm vụ.

11. Chi thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Riêng nội dung chi tại khoản 3 Điều 34 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

12. Chi hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Riêng đối với nội dung chi tại điểm c khoản 6 Điều 38 và điểm a khoản 2, điểm c khoản 5, điểm d khoản 7, mục a2 điểm a, mục c2 điểm c, mục d2 và mục d3 điểm d khoản 8 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

#### **Điều 4. Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở**

Mức chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở áp dụng bằng 80% mức chi cấp tỉnh quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Các nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở khác áp dụng bằng nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi cho công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm của tỉnh.

2. Nguồn kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng .... năm 2026.

2. Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08

tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định định mức xây dựng dự toán và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế.

4. Các nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

5. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**